

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 34/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 19 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 807/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 42S/2, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trường H – Công ty Luật TNHH MTV T1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Trương Quang T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 42S/2, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Trương Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Trương Quang T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trương Lê K (Nam), sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông T thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ông bà thống nhất khai là không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà L, ông T mỗi người chịu 75.000 đồng. Bà L tự nguyện nộp thay cho ông T 75.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu số 000712 ngày 17/12/2018 thành án phí. Bà L được nhận lại 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án quận N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- UBND phường A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ